

CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty cổ phần ACC-244.
(Từ 08g00 - 11g30 ngày 23/4/2018)

TT	Nội dung	Thời gian	Người duy trì
1	- Ổn định tổ chức; - Thông báo tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp; Khai mạc; Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; Giới thiệu Chủ tọa đại hội.	08g00 - 08g10	BTC
2	- Chủ tọa cử Thư ký đại hội; - Đại hội bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; - Thông qua chương trình Đại hội.	08g10 - 08g20	Chủ tọa
3	- Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty năm 2017; - Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2017; - Đại hội thảo luận và thông qua	08g10 - 08g50	Chủ tọa
4	<i>Đại hội giải lao</i>	<i>08g50 - 09g05</i>	<i>BTC</i>
5	- Thảo luận thông qua mức trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2017; dự kiến cho kế hoạch năm 2018. - Thảo luận thông qua Thực hiện thù lao của HĐQT, BKS năm 2017; Quyết định mức lương của Chủ tịch, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018; - Thảo luận thông qua Báo cáo tài chính năm 2017; - Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính 2018; - Thông qua thay thế thành viên HĐQT; - Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát; - Thảo luận và thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; - Thảo luận và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	09g05 - 11g30	Chủ tọa
6	Bế mạc Đại hội.	11g30	BTC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về công tác quản lý kinh doanh ở Công ty cổ phần ACC-244
Năm 2017

Kính thưa Quý vị đại biểu !

Kính thưa các Quý vị cổ đông !

Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động, quản lý kinh doanh năm 2017 và định hướng hoạt động năm 2018 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, Công ty vẫn phát huy được tính chủ động của mô hình công ty cổ phần, đã chủ động trong SXKD, quản trị doanh nghiệp, gắn trách nhiệm với quyền lợi trong quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, cộng với sự hỗ trợ của các quý vị cổ đông, sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể người lao động trong công ty, chúng ta đã khắc phục mọi khó khăn để thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, tình hình đơn vị ổn định và phát triển.

Số hợp đồng năm 2016 chuyển sang với giá trị tương đối lớn tạo điều kiện cho triển khai nhiệm vụ ngay từ đầu năm.

Cơ cấu biên chế tổ chức của công ty cổ phần nhìn chung năng động, phù hợp, phát huy hiệu quả khá tốt nên giữ được tính ổn định trong điều hành, quản lý sản xuất. Trình độ tổ chức quản lý sản xuất của cán bộ các cấp đang được nâng lên, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trong sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị. Mặt khác, Công ty còn luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy - Ban Tổng Giám đốc, cơ quan chức năng công ty mẹ.

Trước tình hình Nhà nước cắt giảm đầu tư công đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn vốn đầu tư cho XD CB, do vậy công tác thị trường tìm kiếm việc làm gặp khó khăn mặc dù HĐQT, Ban Tổng giám đốc và trưởng các bộ phận đã có nhiều

cố gắng trong khai thác và tìm kiếm thị trường, nhiều yếu tố bất lợi tác động gây tăng chi phí, giảm hiệu quả trong SXKD của Công ty.

Do nhận thức đúng đắn tình hình chung cũng như tình hình thực tế công ty, HĐQT luôn quyết tâm thực hiện những chủ trương kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời giám sát chặt chẽ và chỉ đạo một cách sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy các chỉ tiêu SXKD trong năm 2017 đều vượt mức kế hoạch đề ra. Trong năm đã ký kết được 08 hợp đồng với tổng giá trị đạt 217,564 tỷ đồng; giá trị hợp đồng gói đầu chuyển sang thực hiện trong năm 2018 đạt 530,287 tỷ đồng.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đã thực hiện là:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng	29,408	29,408	29,408	100,00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	500,741	500,000	502,820	100,56
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12,441	12,000	12,509	104,24
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	9,948	9,600	9,970	103,85
5	Trả cổ tức (dự kiến)	%/năm	18,000	18,000	18,000	100,00
6	Thu nhập b/q người l.động	triệu/tháng	7,385	7,417	7,556	101,87

2. Về hoạt động xây dựng doanh nghiệp

- Trong năm, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương bảo vệ Tổ Quốc hạng 3; Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân tặng danh hiệu “tập thể lao động xuất sắc” bằng khen “đơn vị văn hóa”; Hội kế toán, kiểm toán Việt Nam đánh giá là đơn vị có chỉ số tài chính tốt nhất. Vận hành và duy trì có hiệu lực hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Triển khai xây dựng và vận hành hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 từ 25/9/2017 và được Quacert cấp giấy chứng nhận cho công ty từ ngày 13/3/2018 trong quản lý điều hành sản xuất.

- Tạo mọi điều kiện cho hoạt động của các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong công ty theo quy định của Điều lệ công ty: Tổ chức Đảng, Công đoàn,

Phụ nữ; các tổ chức này hoạt động có hiệu quả đã góp phần vào thành công và phát triển chung của doanh nghiệp trong năm.

- Quan tâm thích đáng đến quyền lợi, đời sống, thu nhập của người lao động trong công ty: Tổ chức hội nghị người lao động, ký thỏa ước lao động tập thể, quan tâm đến chế độ bảo hiểm, bảo hộ, an toàn lao động, nghỉ dưỡng, khám sức khỏe định kỳ, v.v của người lao động.

Tóm lại, năm 2017 tuy còn có một số tồn tại thiếu sót như: Công tác thu hồi công nợ của một số bộ phận, công tác quản lý lao động, tiền độ, nhưng nhìn chung Công ty cổ phần ACC-244 đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, bảo toàn và phát triển vốn được giao, đảm bảo các lợi ích của Nhà nước, cổ đông, doanh nghiệp và người lao động, tạo được niềm tin và tín nhiệm cao với khách hàng, đơn vị đoàn kết ổn định và an toàn về mọi mặt.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

1. Về hoạt động của HĐQT

Cơ cấu HĐQT đã thực hiện theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp do đó hoạt động đảm bảo tính khách quan. Hoạt động của HĐQT mang tính tập thể và thống nhất cao trong các các vấn đề; tuân thủ đúng theo Điều lệ Công ty. Luật Doanh nghiệp. Xác định đúng đắn tình hình chung của đất nước cũng như tình hình thực tế Công ty trong năm 2017, HĐQT đã có các quyết sách phù hợp về công tác quản lý cũng như chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện những chủ trương kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; chủ yếu tập trung vào:

- Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của công ty;

- Thực hiện các cuộc họp của HĐQT theo quy chế làm việc của Hội đồng để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức năm 2016;

- Sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định nội bộ của công ty cho ngày càng sát với thực tiễn hoạt động quản lý và điều hành SXKD;

- Chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 theo quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông;

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2018 đảm bảo đúng thời gian và phù hợp với năng lực của Công ty;

- Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng nguồn nhân lực kế cận trong các lĩnh vực quản lý, điều hành, giám sát kiểm soát hoạt động Công ty cho giai đoạn tới; để vừa tuân thủ các quy định của pháp luật, vừa chủ động cho xây dựng bộ máy quản trị công ty.

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Tuy vậy HĐQT cần sâu sát hơn trong việc chỉ đạo Tổng giám đốc điều hành việc thu hồi đối chiếu công nợ khách hàng và người mua trả tiền trước nhằm hạn chế tối đa những ngoại trừ trong kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 và những năm tiếp theo. HĐQT cần nghiên cứu xây dựng chiến lược để công ty phát triển ổn định, bền vững. Đồng thời phát huy hết vai trò giám sát, chỉ đạo đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc SXKD hàng ngày.

2. Về hoạt động của các thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Chủ tịch HĐQT đã duy trì các hoạt động của Hội đồng theo nội dung chương trình và quy chế làm việc, trực tiếp chủ tọa các cuộc họp HĐQT. Các cuộc họp đã được chuẩn bị đầy đủ và tổ chức dân chủ, nội dung sát với thực tiễn yêu cầu của quản lý. Phân công giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị một cách khoa học, chặt chẽ;

Phó chủ tịch và các thành viên khác hoạt động theo chức trách nhiệm vụ đã được phân công, đi sâu vào các mảng công việc cụ thể, tham gia cơ bản đầy đủ các cuộc họp và có ý kiến đóng góp thiết thực.

Tuy vậy, hoạt động của các thành viên trong năm còn thể hiện chưa đều, chưa có tính đột phá trong quản lý điều hành để nâng cao hiệu quả quản lý công

ty. Hoạt động của các thành viên HĐQT cần sâu sát hơn nữa trong công tác giám sát hoạt động của công ty và cán bộ quản lý.

III. CÁC CUỘC HỌP VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp theo quy chế làm việc của Hội đồng để giải quyết và quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT;

Các cuộc họp được tiến hành thường kỳ theo quý và các phiên họp đột xuất, trong năm đã ra 07 Nghị quyết và 05 quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. Giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc

HĐQT đã giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc thực hiện những công việc sau:

- Chỉ đạo, giám sát triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT trong các hoạt động của Công ty;

- Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của công ty, đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển thị trường, tình hình quản lý và thu hồi công nợ, giải ngân thanh toán các hợp đồng, nề nếp quản lý trong SXKD, đảm bảo hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 đã đề ra;

- Chỉ đạo, giám sát xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và lập báo cáo quyết toán tài chính năm 2017;

- Chỉ đạo, giám sát triển khai thực hiện các quy chế quản lý của Công ty. Giám sát Tổng Giám đốc về việc ban hành và sửa đổi các chỉ thị, quy định đồng bộ trong các lĩnh vực để tổ chức triển khai thực hiện các quy chế nêu trên.

Tổng giám đốc cần chỉ đạo các cơ quan nghiệp vụ tích cực và chủ động hơn trong thu hồi đối chiếu công nợ khách hàng và người mua trả tiền trước nhằm cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ kiểm toán độc lập báo cáo tài chính đạt kết quả tốt.

2. Giám sát của HĐQT đối với các cán bộ quản lý khác

HĐQT đã giám sát và nhận xét đối với các cán bộ quản lý về các nội dung:

- Giám sát việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Giám sát việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;

- Giám sát việc trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Giám sát việc thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các lợi ích liên quan.

V. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA NĂM 2018

1. Đặc điểm tình hình

2.1. Thuận lợi

Số hợp đồng năm 2017 chuyển sang đủ việc làm cho một số bộ phận triển khai nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Trình độ tổ chức quản lý sản xuất của cán bộ các cấp đang được nâng lên, đảm bảo đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị.

2.2. Khó khăn

Bước sang năm 2018 một số bộ phận gặp khó khăn về thị trường, ảnh hưởng đến công ăn việc làm của CB-CNV và việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD-XDĐV năm 2018 và những năm tiếp theo.

Thực hiện thông tư 147/2016/TT-BQP, Công ty đã chủ động tách chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc nhằm điều hành hoạt động SXKD công ty có hiệu quả và ổn định. Mặt khác trong năm đồng chí Nguyễn Đức Sinh, Chủ tịch HĐQT nghỉ chờ hưu theo chế độ, có sự thay đổi cán bộ chủ trì của bộ máy quản lý và điều hành song cần có tính kế thừa, ổn định, phát huy được sự chủ động trong SXKD.

Nguồn lực nói chung của công ty còn hạn chế nên khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là việc mở rộng và phát triển thị trường. Hoạt động SXKD vẫn phân tán, trải rộng trên nhiều địa bàn, quy mô công trình nhìn chung không lớn, chi phí cho công tác kiểm tra, kiểm soát lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả.

Tình hình kinh tế trong năm sẽ diễn biến phức tạp do giá một số mặt hàng thiết yếu như: điện, xăng dầu, v.v tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên vật liệu xây dựng và hoạt động SXKD của công ty. Thị trường xây dựng cơ bản vẫn cạnh tranh quyết liệt. Đấu thầu cạnh tranh làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu

Công ty xác định mục tiêu cơ bản là: Phát triển ổn định, bền vững, bảo toàn và phát triển vốn; đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ xây dựng hiện đại; phát triển thương hiệu Công ty; Nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động; mang lại lợi ích tối đa cho Nhà nước, cổ đông, doanh nghiệp và người lao động.

Lấy xây dựng dân dụng công nghiệp làm nòng cốt, mở rộng các lĩnh vực xây dựng thuỷ lợi, giao thông, phát triển các ngành dịch vụ có liên quan làm lợi thế cạnh tranh.

Phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, xây dựng Công ty đạt danh hiệu “tập thể lao động xuất sắc”.

3. Những chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	TL %
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng	29,408	29,408	100,00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	502,820	452,000	89,89
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12,509	10,848	86,72
4	Mức trả cổ tức (dự kiến)	%/năm	18,000	15,000	83,33
5	Thu nhập b/q người l.động	triệu/tháng	7,556	7,456	98,68

4- Một số nhiệm vụ khác:

- Tăng cường hơn nữa vai trò chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc điều hành công việc kinh doanh. Đặc biệt là công tác thu hồi công nợ và đối chiếu công nợ khách hàng, người mua trả

tiền trước nhằm cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ kiểm toán báo cáo tài chính đạt kết quả tốt.

- Tích cực trong công tác tìm kiếm, mở rộng, đa dạng thị trường, đặc biệt là mở thêm các thị trường mới có nhiều triển vọng để bổ sung những thiếu hụt của các thị trường truyền thống đang bị suy giảm đầu tư.

- Làm tốt công tác xây dựng đơn vị, tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị, xã hội trong công ty hoạt động đúng hướng, có hiệu quả, thiết thực góp phần vào sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp.

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, ban hành đầy đủ các Quy chế, Quy định cần thiết cho quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.

- Chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực kế cận trong các lĩnh vực quản lý, điều hành, kiểm soát để chủ động cho xây dựng bộ máy quản trị công ty.

Kính thưa các Quý vị !

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt HĐQT chân thành cảm ơn đối với Thủ trưởng và cơ quan cấp trên, Đảng ủy - Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty ACC (Công ty mẹ), các cơ quan, đơn vị, bạn hàng đã luôn dành cho Công ty cổ phần ACC-244 sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho sự phát triển của Công ty.

Xin cảm ơn sự tin tưởng, đồng thuận của các quý vị cổ đông, sự đoàn kết thống nhất của tập thể cán bộ, nhân viên công ty đã ủng hộ HĐQT vượt qua khó khăn, thách thức hoàn thành thắng lợi mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Tôi hy vọng rằng tại Đại hội này sẽ nhận được các ý kiến đóng góp quý báu của Quý cổ đông để đưa Công ty chúng ta ngày càng phát triển, làm tăng giá trị cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Xin được gửi đến các vị đại biểu, toàn thể quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn !

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Sinh

Số: /BC-BKS244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về công tác giám sát hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc trong năm 2017

Kính thưa Quý vị đại biểu !

Kính thưa các Quý vị cổ đông !

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát, Công ty cổ phần ACC-244, xin báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông về kết quả giám sát các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2017 như sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và điều hành của Công ty.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện các nội dung công việc sau:

- Thường xuyên trao đổi với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là đúng Luật và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để triển khai các công việc theo nhiệm vụ, chức năng được giao, luôn bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên tổng kết hoạt động SXKD và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ, nhằm đánh giá tính hợp lý và trung thực của các số liệu.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty.

- Giám sát việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm cũng như danh sách các đơn vị kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua lựa chọn cho năm tới.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

2.1. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, Công ty vẫn phát huy được tính chủ động của mô hình công ty

cổ phần, đã chủ động trong SXKD, quản trị doanh nghiệp, gắn trách nhiệm với quyền lợi trong quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, cộng với sự hỗ trợ của các quý vị cổ đông, sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể người lao động trong công ty, chúng ta đã khắc phục mọi khó khăn để thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, tình hình đơn vị ổn định và phát triển.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đã thực hiện là:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng	29,408	29,408	29,408	100,00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	500,741	500,000	502,820	100,56
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12,441	12,000	12,509	104,24
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	9,948	9,600	9,970	103,85
5	Trả cổ tức (dự kiến)	%/năm	18,000	18,000	18,000	100,00
6	Thu nhập b/q người l.động	triệu/tháng	7,385	7,417	7,556	101,87

2.2. Kết quả giám sát hoạt động tài chính của công ty

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).

- Ngoại trừ việc thực hiện đối chiếu công nợ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước tại thời điểm kiểm toán chưa đầy đủ để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của công ty, Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Công ty đã sử dụng hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn đầu tư của chủ sở hữu (hệ số bảo toàn vốn = 100%, tỷ lệ tăng trưởng vốn CSH = 105,38%). Tình hình tài chính lành mạnh, an toàn đáp ứng nhu cầu thanh toán với các khoản nợ ngắn hạn (hệ số khả năng thanh toán hiện thời là 1,14 lần >1).

- Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty là trung thực và tuân thủ các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 theo đúng quy định tại điều lệ Công ty và Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội.

- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2016 cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội.

3. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

3.1. Hoạt động của HĐQT

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.

- HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

- Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ và đột xuất theo quy định để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động SXKD của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT được thư ký công ty ghi chép biên bản đầy đủ theo các nội dung được thống nhất thông qua và công bố Nghị quyết đầy đủ đúng quy định.

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã có sự thay đổi về nhân sự. Ngày 27/10/2017, HĐQT đã ra Nghị quyết và các Quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT theo đúng trình tự, thủ tục quy trình bổ nhiệm cán bộ chỉ huy quản lý trong DN cổ phần QĐ, Điều lệ công ty, Thông tư 147 của Bộ Quốc phòng và Luật doanh nghiệp.

3.2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc luôn chấp hành chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện đúng quy chế, quy định của Công ty.

- Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực và cố gắng trong việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường

trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty. HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong năm vừa qua đã có nhiều cố gắng với tinh thần trách nhiệm cao nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và các cổ đông, quyết tâm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông đặt ra.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban TGD

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Từ đó đã tham gia góp ý, kiến nghị việc quản trị điều hành các hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp.

- Ban kiểm soát đã trao đổi với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trên tinh thần trung thực, thẳng thắn đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty về những vấn đề liên quan đến quyền và nhiệm vụ của các bên để đảm bảo việc thực thi đạt kết quả và đúng pháp luật.

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, Ban kiểm soát cần tăng cường việc giám sát, kiểm tra, kiểm soát, theo dõi và duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban kiểm soát, HĐQT, Ban Tổng giám đốc thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất nhằm góp ý và kiến nghị kịp thời khi cần thiết. Đặc biệt là trong hoạt động tài chính, cần phối hợp chặt chẽ với đơn vị kiểm toán độc lập để đề xuất và đưa ra các kiến nghị.

5. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2017, Ban kiểm soát được chi trả thù lao tổng cộng là: 180.000.000 đồng.

6. Kết luận và kiến nghị

Năm 2018, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị và điều hành của Công ty. Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty thông qua các Báo cáo tài chính, đồng thời kiểm tra đánh giá các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc và có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông. Trong hoạt động của mình, để đạt được hiệu quả tốt nhất, Ban kiểm soát sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các quý vị cổ đông cũng như của HĐQT, sự hợp tác

và phối hợp của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong công ty. Để nâng cao hiệu quả SXKD, Ban kiểm soát kiến nghị:

- Năm 2018, Công ty đã có sự thay đổi lớn về nhân sự và đã bố trí, kiện toàn lại đội ngũ cán bộ ở các cấp, chú ý khâu sử dụng và phát huy khả năng chuyên môn của cán bộ. Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nghiên cứu cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, đầu tư đúng hướng, hợp lý về con người, công nghệ, trang thiết bị để thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ. Đặc biệt trong nước nhiều hàng hóa dịch vụ quan trọng như điện, nước, xăng dầu v.v đang trong lộ trình tăng giá nên cần tính toán và lường trước các tình huống có thể xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.

- Công tác đối chiếu công nợ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước, công ty đã thực hiện nhưng tỷ lệ thu hồi tại thời điểm kiểm toán còn tương đối thấp do các công trình thi công nằm rải rác khắp cả nước nên việc đối chiếu xác nhận công nợ mất nhiều thời gian. Ban Tổng giám đốc cần thường xuyên chỉ đạo cơ quan nghiệp vụ đôn đốc, đối chiếu, thu hồi công nợ và có biện pháp quyết liệt hơn nữa, gắn trách nhiệm cụ thể để kiểm soát rủi ro trong việc thu hồi công nợ đối với các khách hàng, đảm bảo tỷ lệ đối chiếu đạt 100% tại thời điểm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính. Việc này, Ban kiểm soát cũng nhận thấy có một phần trách nhiệm trong đó và sẽ tăng cường kiểm soát hơn nữa trong thời gian tới.

- Nhà nước bổ sung, thay đổi các chế độ, chính sách, Ban Tổng Giám đốc cần chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu đưa ra phương án phù hợp để quản lý hoạt động SXKD của đơn vị.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017, kính trình Đại hội thông qua. Xin chúc các vị Đại biểu, Quý vị cổ đông sức khỏe, thành đạt và hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn !

**TM.BAN KIỂM SOÁT
Q.TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Bích Đào

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua mức trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2017;
Dự kiến kế hoạch năm 2018.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.
Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần ACC-244;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua mức trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2017; dự kiến kế hoạch năm 2018, như sau:

Phần 1. Thực hiện năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	% LN sau thuế	15	15
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	% LN sau thuế	25	25
3	Tỷ lệ trả cổ tức trong năm	%/năm	18	18
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	đồng	466.000.000	688.678.832

Phần 2. Kế hoạch năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018
1	Doanh thu	Triệu đồng	452.000
2	Lợi nhuận trước thuế	-	10.848
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	%/ LN sau thuế	15

4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	% LN sau thuế	25
5	Tỷ lệ trả cổ tức trong năm	%/ năm	15
6	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	Triệu đồng	796

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua thực hiện thù lao của HĐQT, BKS năm 2017;
Quyết định mức lương của Chủ tịch, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018;**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Thực hiện thù lao của HĐQT, BKS năm 2017; Quyết định mức lương của Chủ tịch, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018, như sau:

I. THỰC HIỆN THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS NĂM 2017:

1. Thù lao của HĐQT: 540.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.

2. Thù lao của BKS: 180.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.

II. QUYẾT ĐỊNH MỨC LƯƠNG CỦA CHỦ TỊCH, THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS NĂM 2018:

1. Lương của Chủ tịch HĐQT: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty

2. Thù lao của Hội đồng quản trị:

04 người (x) 9.375.000 đồng/tháng.người (x) 12 tháng = 450.000.000 đồng

3. Thù lao của Ban kiểm soát:

03 người (x) 5.000.000 đồng/tháng.người (x) 12 tháng = 180.000.000 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt nam (VAE) như sau:

A. CÁC CĂN CỨ ĐỀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017:

- Luật doanh nghiệp;
- Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Nghị định số 87/2015/N-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính;
- Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 87/2015/NĐ-CP;
- Thông tư 48/2017/TT-BQP ngày 05/3/2017 của Bộ Quốc phòng;
- Hướng dẫn số 7801/HD-CTC ngày 14/12/2017 của Cục tài chính;
- Hướng dẫn số 11/PTC-NS ngày 11/01/2018 của Phòng Tài chính QCPK-KQ
- Hướng dẫn số 59/HD-ACC ngày 16/01/2018 của Phòng Tài chính Tổng Công ty XDCT hàng không ACC về việc Hướng dẫn quyết toán và tổng kết công tác tài chính năm 2017;
- Căn cứ vào Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần ACC-244, Quy định của Tổng Công ty và những văn bản khác của Nhà nước, Quân đội, Quân chủng PK-KQ;
- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần ACC-244 từ ngày 01/01/2017 ÷ 31/12/2017 thông qua hệ thống sổ sách tài chính kế toán.

B. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2017: (đơn vị tính: đồng)

I. Tài sản ngắn hạn	: 338.534.711.476
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	: 63.870.786.619
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	: 0
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	: 156.962.583.581
4. Hàng tồn kho	: 116.714.185.098
5. Tài sản ngắn hạn khác	: 987.156.178
II. Tài sản dài hạn	: 1.518.842.720
1. Các khoản phải thu dài hạn	: 0
2. Tài sản cố định	: 1.484.181.673
- Tài sản cố định hữu hình	: 1.484.181.673
- Tài sản cố định vô hình	: 0
3. Tài sản dài hạn khác	: 34.661.047
III. Nợ phải trả	: 297.262.331.121
1. Nợ ngắn hạn	: 297.262.331.121
2. Nợ dài hạn	: 0
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	: 42.791.223.075
1. Vốn chủ sở hữu	: 42.791.223.075
Trong đó:	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 29.408.620.000
- Quỹ đầu tư phát triển	: 8.237.739.589
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	: 5.144.863.486
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	: 0
V. Kết quả kinh doanh:	
1. Doanh thu và thu nhập	: 502.820.305.522
- Doanh thu thuần b/hàng và c/cấp dịch vụ	: 502.608.385.026
- Doanh thu hoạt động tài chính	: 180.411.405
- Thu nhập khác	: 31.509.091
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	: 12.509.370.428
3. Lợi nhuận sau thuế	: 9.970.384.054
VI. Các chỉ tiêu khác:	
1. Nộp ngân sách Nhà nước (các loại thuế)	: 14.678.111.799
2. Nộp tiền thuê đất quốc phòng	: 535.792.000
3. Trả cổ tức cho Cổ đông Nhà nước	: 3.583.551.600
4. Trả cổ tức cho Cổ đông khác	: 1.710.000.000
5. Tổng số lao động bình quân trong năm	: 1.294 người
6. Thu nhập bình quân người lao động	: 7.556.227 đ/người/tháng

(Báo cáo tài chính được kiểm toán đã được đăng tải đầy đủ trên Website của Công ty)

Năm 2017, hoạt động SXKD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, nhất là về thị trường, nhiều hợp đồng hồ sơ chậm nên việc tạm ứng vốn để thi công khó khăn; đặc biệt một số công trình có khối lượng phát sinh lớn như dự án Spyder nhưng chưa được Bộ cho sử dụng quỹ dự phòng nên đã gây khó khăn rất lớn cho công ty; một số hợp đồng đơn giá cố định, thời gian thi công dài nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD. Mặt khác vốn lưu động còn thiếu, hoạt động sản xuất phân tán, quy mô công trình không lớn, chi phí kiểm tra kiểm soát cao., nhưng Công ty cổ phần ACC-244 đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017. Tuy nhiên vẫn còn hạn chế tồn tại đó là việc thu hồi Biên bản đối chiếu công nợ khách hàng của công ty còn chậm, Hội đồng quản trị đề nghị Tổng Giám đốc phải có biện pháp chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan khắc phục những tồn tại của năm 2017; thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch SXKD và xây dựng đơn vị năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2018.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần ACC-244;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Thông qua danh sách các đơn vị sẽ chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần ACC-244, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt nam (AVA)
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

2. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần ACC-244 trong số các đơn vị kiểm toán đã được thông qua ở trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua thay thế thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần ACC-244;

Căn cứ Quy định số 372/QĐ-HĐQT244 ngày 09/9/2014 của HĐQT Công ty cổ phần ACC-244 về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua thay thế thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tại ĐHĐCĐ nhiệm kỳ II thông qua ngày 08/4/2015 đã bầu ra Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 bao gồm 05 thành viên:

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| - Ông Nguyễn Đức Sinh | - Chủ tịch HĐQT; |
| - Ông Nguyễn Quốc Doanh | - Phó Chủ tịch HĐQT; |
| - Bà Nguyễn Thị Vinh | - Thành viên HĐQT; |
| - Ông Phan Duy Linh | - Thành viên HĐQT; |
| - Ông Nguyễn Mạnh Hà | - Thành viên HĐQT . |

Tháng 10/2017 Bà Nguyễn Thị Vinh đã có đơn xin từ nhiệm và HĐQT đã bầu Ông Nguyễn Anh Tuấn thay thế Bà Nguyễn Thị Vinh từ tháng 11/2017 (Quyết định HĐQT số: 352/QĐ-HĐQT244 ngày 27/10/2017).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Sinh

SƠ YẾU LÝ LỊCH NGUYỄN ANH TUÂN

1. Về bản thân:

- Họ và tên: **NGUYỄN ANH TUÂN**.
- Giới tính: Nam.
- Số CMND sỹ quan: 12014270
- Ngày tháng năm sinh: 17/5/1974
- Nơi sinh: xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 43/102, ngõ 192 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

2. Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ T7/1998 đến T10/2005	Nhân viên kỹ thuật Đội XD số 4 – Xí nghiệp XD 244 thuộc Tổng Công ty bay dịch vụ
Từ T11/2005 đến T3/2010	Đội phó, Đội trưởng Đội XD số 4 - Xí nghiệp XD 244 thuộc Cty XDCT hàng không ACC
Từ T4/2010 đến T10/2017	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần ACC-244
Từ T11/2017 đến T12/2017	Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần ACC-244
Từ T01/2018 đến nay	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần ACC-244

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

QUY ĐỊNH

**Về việc tham gia ứng cử, đề cử để bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần ACC-244 Nhiệm kỳ II.**

A. MỤC TIÊU:

- Đảm bảo tuân thủ Luật pháp và Điều lệ công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả Cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định và tổ chức thành công của Đại hội đồng cổ đông.

B. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ ĐỂ BẦU VÀO BAN KIỂM SOÁT:

I. Ứng cử để bầu vào Ban Kiểm soát:

Người tự ứng cử vào Ban Kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.
3. Không phải là người làm việc trong Phòng Tài chính - Kế toán của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
4. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

II. Đề cử để bầu vào Ban Kiểm soát:

1. Tiêu chuẩn của người được đề cử để bầu vào BKS:

Người được đề cử để bầu vào BKS phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Là đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

d) Không phải là người làm việc trong Phòng Tài chính - Kế toán của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

e) Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

2. Quyền đề cử để bầu vào BKS:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát như sau:

a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên;

III. Các trường hợp khác:

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

C. HỒ SƠ THAM GIA ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ ĐỂ BẦU VÀO BKS:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào BKS bao gồm:

1. Đơn xin Ứng cử/Thỏa thuận lập nhóm đề cử ứng viên để bầu vào BKS (theo mẫu).

2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu).

3. Bản sao có chứng thực CMND/CMSQ, các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn.

Hồ sơ xin gửi về Công ty cổ phần ACC-244 trước ngày 13/4/2018 để kịp tổng hợp danh sách chuẩn bị Đại hội theo địa chỉ sau:

- Công ty cổ phần ACC-244.

- Địa chỉ: số 164 Lê Trọng Tấn, quận Thanh Xuân, Hà nội.

- Người liên hệ: Ông Nguyễn Quốc Doanh, Phó Tổng Giám đốc (phụ trách Công tác đề cử, ứng cử BKS).

- Điện thoại di động: 0913540435. Fax: 0243.8522622.

Trường hợp các cổ đông Ứng cử/Thỏa thuận lập nhóm đề cử ứng viên để bầu bổ sung vào BKS ngay trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ năm 2018 thì đề nghị Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu bổ sung vào BKS sẽ chuyển trực tiếp cho Thư ký Đại hội trước giờ chốt Danh sách ứng cử, đề cử để tổng hợp báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

D. LỰA CHỌN CÁC ỨNG CỬ VIÊN:

Dựa trên các Đơn ứng cử/Thỏa thuận lập nhóm đề cử ứng viên của các cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Hội đồng quản trị sẽ lựa chọn từ 1 ứng cử viên để bầu bổ sung vào BKS với nguyên tắc lấy theo số cổ phần ứng cử, đề cử từ cao xuống thấp và đảm bảo đủ các tiêu chuẩn cho chức danh theo đúng quy định tại Điều lệ công ty.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Sinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN
Thỏa thuận thành lập nhóm cổ đông
và đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần ACC-244 Nhiệm kỳ II (2015 – 2020)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244.

Chúng tôi ký tên dưới đây gồm có:

STT	Họ tên	Số CMND/ cấp ngày/tại	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần nắm giữ	Ký tên
1					
2					
3					
4					
5					
...					
Tổng số CP					

Tổng số cổ phần của toàn nhóm là:.....(chiếm% tổng vốn điều lệ).

Chúng tôi đồng ý thành lập nhóm cổ đông và đề cử các Ông/Bà có tên sau đây làm ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần ACC-244 nhiệm kỳ II (2015-2020), tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty:

STT	Họ tên	Số CMND/ cấp ngày/tại	Địa chỉ thường trú	Số Cổ phần nắm giữ	Ký tên
1					
2					
...					

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc lập nhóm, đề cử ứng viên này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ công ty.

Biên bản thỏa thuận này được lập vào hồi giờ, ngày /4/2018.

Hồ sơ kèm theo:

1. Bản sao CMND/CMSQ/Hộ chiếu của các ứng viên;
2. Sơ yếu lý lịch của các ứng viên (*hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam*).

Ghi chú: Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên sử dụng mẫu này để lập nhóm đề cử ứng viên để bầu BKS Công ty nhiệm kỳ II (2015 – 2020).

ảnh
(3x4)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **NGUYỄN THỊ HUYỀN** Nam/nữ : Nữ
Bí danh (nếu có) : Không
2. Ngày tháng năm sinh : 21/03/1989
3. Nơi sinh : Bắc Ninh
4. Số CMND/CMSQ : 125397209 cấp ngày: 28/03/2007 tại: CA tỉnh Bắc Ninh
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cách Bi - Quế Võ - Bắc Ninh
7. Chỗ ở hiện tại : Số 12 ngõ 163 Hoàng Văn Thái, Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
8. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên): Phòng Tổ chức-Hành chính/ Công ty cổ phần ACC-244
Số 164 Lê Trọng Tấn - Khuong Mai - Thanh Xuân - Hà Nội
9. Điện thoại liên lạc : ĐTDĐ: 0975.611.791 Fax : 0243.8522622
Email: huyenhuyen.vcu@gmail.com
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
12. Nghề nghiệp : Nhân viên lao động tiền lương
13. Chức vụ hiện nay : Nhân viên lao động tiền lương
14. Chức vụ tại các tổ chức khác (nếu có):
15. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn (có thể sử dụng file đính kèm):

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
Từ năm 2007 đến năm 2011	Trường Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp	Cử nhân kế toán
Từ năm 2017 đến nay	Trường Đại học công nghệ giao thông vận tải	Cao học Kế toán doanh nghiệp	

16. Quá trình công tác (chi tiết về nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua).

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ T8/2012 đến T8/2016	Phòng 5 - Viện Kỹ thuật Hóa học, Sinh học và Tài liệu nghiệp vụ/ Bộ Công an	Nhân viên hợp đồng
Từ T9/2016 đến nay	Phòng Tổ chức- Hành chính, Công ty cổ phần ACC-244	Nhân viên lao động tiền lương

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên.

Xác nhận của Cơ quan/Địa phương
(ký, ghi rõ họ tên)

Người khai

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

THẺ LỆ

**V/v Bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần ACC-244 Nhiệm kỳ II (2015-2020).**

I. Nội dung bầu cử:

Bầu bổ sung (01) thành viên Ban kiểm soát.

II. Thể thức bầu cử:

Thực hiện theo nguyên tắc Bầu dồn phiếu.

Căn cứ vào khoản 3, điều 144 Luật Doanh nghiệp quy định: “Việc bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 1 hoặc 1 số ứng cử viên”.

III. Thể lệ bầu cử:

1. Hình thức phiếu bầu:

Phiếu bầu bổ sung thành viên BKS giấy màu xanh, khổ A5, có đóng dấu Công ty cổ phần ACC-244 treo ở góc trên bên trái.

2. Nội dung phiếu bầu:

a) Phần 1: thể hiện tên cổ đông, mã số cổ đông, tổng số cổ phần, tổng số phiếu được bầu. Một phiếu bầu thể hiện tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông đó nắm giữ;

b) Phần 2: Danh sách ứng cử viên BKS.

3. Phương thức bầu:

Cổ đông hoặc người được quyền dự họp có quyền dùng “**Tổng số phiếu được bầu**” của mình để chia đều cho các ứng viên hoặc dồn cho cho một (1) hoặc một số ứng viên bất kỳ nào có tên trong danh sách ứng cử, đề cử đã được ĐHĐCĐ thông qua trước đó;

4. Kết quả được công nhận:

4.1. Ứng cử viên phải có số phiếu bầu hợp lệ đạt tỷ lệ $\geq 65\%$ tổng số phiếu được bầu dự họp.

4.2. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

4.3. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên còn lại của BKS thì sẽ ưu tiên lựa chọn người sở hữu số cổ phần trong Công ty cao hơn. Trường hợp số cổ phần của các ứng viên này bằng nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

4.4. Trường hợp số thành viên BKS trúng cử không đủ số lượng cần bầu do chưa đạt tỷ lệ tín nhiệm $\geq 65\%$, Công ty sẽ tiến hành bầu cử bổ sung ngay trong cuộc họp ĐHĐCĐ cho đến khi đủ số thành viên BKS.

Đính kèm là mẫu phiếu bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát:

PHIẾU BẦU (MẪU) THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ II (2015 – 2020)		
Họ và tên cổ đông	: NGUYỄN VĂN A	
Mã số cổ đông	: AC0001	
Tổng số cổ phần	: 1.000cp	
Tổng số phiếu được bầu	: 1.000cp x 1 = 1.000 phiếu	
DANH SÁCH ỨNG VIÊN		
STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu cụ thể cho các ứng viên
1	Bùi Tuấn A	...
2		...
		...
		...
		...
		...

IV. Một số yêu cầu khác:

1. Cổ đông bầu cho ứng viên nào bao nhiêu phiếu thì ghi rõ bằng số vào cột ***“Số phiếu bầu cụ thể cho các ứng viên”***. Tổng số phiếu bầu cụ thể cho các ứng viên phải nhỏ hơn hoặc bằng ***“Tổng số phiếu được bầu”*** (kể cả bầu theo cách chia đều hoặc bầu dồn phiếu).

2. Cổ đông chỉ được bầu cho tối đa một (01) ứng viên Ban kiểm soát (kể cả bầu theo cách chia đều hoặc bầu dồn phiếu) trong danh sách đã có trên tờ phiếu bầu.

3. Phiếu bầu hợp lệ:

- Phiếu do Ban kiểm phiếu phát hành, có đóng dấu của Công ty;

- Phiếu bầu có số thành viên được bầu 01 thành viên đối với bầu bổ sung thành viên BKS; trong danh sách đã được Đại hội thông qua và được in sẵn trên tờ phiếu bầu;

- Tổng ***“số phiếu bầu cụ thể cho các ứng viên”*** phải nhỏ hơn hoặc bằng ***“Tổng số phiếu được bầu”*** của cổ đông;

- Phiếu không bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm bớt nội dung (*trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và hủy phiếu cũ*).

4. Phiếu bầu không hợp lệ:

Ngoài các quy định ở Điểm 3 nêu trên (*Phiếu bầu hợp lệ*) là phiếu bầu không hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần ACC-244 cho phù hợp với các quy định của Luật, Nghị định, Thông tư và thực tế hoạt động của Công ty.

(Nội dung chi tiết dự thảo Quy chế xem tại Phụ Lục kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Sinh

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Chương II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

Điều 8. Thông qua kết quả kiểm phiếu

Điều 9. Các thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 11. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Điều 12. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Chương III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 17. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Chương IV. HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 21. Cách thức biểu quyết

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Điều 24. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Chương V. KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

Điều 27. Cách thức bầu thành viên Kiểm soát viên

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 29. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Chương VI. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Chương VII. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

Điều 33. Tổng giám đốc

Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 35. Ký hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Chương VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

Điều 40. Việc tiếp cận thông tin

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Chương IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 43. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Điều 44. Khen thưởng

Điều 45. Xử lý vi phạm và kỷ luật

Chương X. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Điều 47. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Chương XI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 50. Trách nhiệm cản trở

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Chương XII. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 53. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Chương XIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NĐ-
ĐHĐCD244 ngày 23/4/2018)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần ACC-244 được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017, Điều lệ Công ty cổ phần ACC-244.

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần ACC-244 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành doanh nghiệp của Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

b. “Công ty”: là Công ty cổ phần ACC-244.

c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông lần đầu và được sửa đổi, bổ sung thông qua ở từng thời điểm.

d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

đ. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “ĐHĐCD”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

e. “HĐQT”: là Hội đồng quản trị Công ty.

f. “BKS”: là Ban kiểm soát Công ty.

g. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

h. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

i. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”: là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

k. “Người điều hành doanh nghiệp”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

l. “Ban điều hành”: là Tổng giám đốc (hoặc Tổng giám đốc điều hành), Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó Tổng giám đốc điều hành).

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách .

2. Lập xong danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất ba mươi (30) ngày, thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi

kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông qua kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ công ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu

quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. HĐQT của công ty gồm năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
- c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT:

- a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên;
- b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (02) hai ứng cử viên;
- c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (03) ba ứng cử viên;
- d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (04) bốn ứng cử viên;
- e. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (05) năm ứng cử viên;
- f. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên;

3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế này. Thủ tục

HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp ĐHĐCĐ. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào HĐQT, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bầu cử;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của ĐHĐCĐ.

6. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

7. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

8. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 17. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;

7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV

HỌP HĐQT

Điều 19. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

2. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa

điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều lệ công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh phải được ghi đầy đủ, trung thực, có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Kiểm toán viên công ty do Nhà nước nắm giữ > 50% Vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm toán viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tại Khoản 1 Điều 37 Điều lệ công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp

theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp ĐHĐCĐ. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào thành viên Ban kiểm soát, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bầu cử;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của ĐHĐCĐ.

6. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

7. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

8. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT /thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.

Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều

hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn giảm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 33. Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tổng Giám đốc công ty không được đồng thời làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp khác.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

e. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính những năm tiếp theo.

k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của . Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;

b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty;

c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty;

d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phải hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;

c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ công ty.

4. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 40. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ngưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;

c. Báo cáo của Tổng giám đốc;

d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;

e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc phải được gửi ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và HĐQT, BKS

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

4. Tổng giám đốc phải lập tờ trình đề HĐQT xem xét thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

CHƯƠNG IX
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, NGƯỜI
ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP CỦA CÔNG TY

Điều 43. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành doanh nghiệp

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT và Người điều hành doanh nghiệp của Công ty.

2. Trưởng BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên BKS.

3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ khác còn lại, trừ các trường hợp nêu ở Khoản 1, Khoản 2 Điều này trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ
- d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 44. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của HĐQT, BKS, Ban điều hành; Tổng giám đốc trình HĐQT (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 43.

2. Chế độ khen thưởng:

- a. Bằng tiền.
- b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có). Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Công ty.

4. Mức khen thưởng: Có quyết định riêng trên cơ sở tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

Điều 45. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên HĐQT, Người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên HĐQT, Người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

2. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 47. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 50. Trách nhiệm cản trở

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực, cản trở vì lợi ích của Công ty.

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII

SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 53. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XIII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 13 chương 54 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2018.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai ($\frac{1}{2}$) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Đức Sinh

Số: /TTr-HĐQT244

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 147/2016/TT-BQP ngày 21/9/2016 của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ACC-244 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung một số Điều của Điều lệ Công ty cổ phần ACC-244 cho phù hợp với các quy định của Luật, Nghị định, Thông tư và thực tế hoạt động của Công ty, như sau:

1. Điều 1:

- Sửa khoản 1: điểm (a); thêm điểm (c) mới. Khoản (c) cũ chuyển thành khoản (d) mới và thứ tự cho đến điểm (g) thành điểm (i).

- Sửa khoản 2: bỏ một số từ trong khoản 3.

- Sửa khoản 4: bỏ khoản 4 cũ.

2. Sửa tiêu đề chương II: Thêm "người đại diện theo pháp luật" của Công ty.

3. Điều 2:

- Sửa khoản 4: Bỏ khoản 4.

- Sửa khoản 5: Sửa khoản 5 theo thứ tự điều trong điều lệ mới sửa đổi.

4. Thêm điều 3 mới: "**Người đại diện theo pháp luật của Công ty**".

5. Điều 3, 4: điều 3, 4 cũ chuyển thành điều 4, 5 mới và không sửa đổi gì.

6. Điều 5: điều 5 cũ chuyển thành điều 6 mới và bổ sung, sửa đổi tiêu đề.

- Sửa khoản 1: Viết lại cho gọn hơn.

- Sửa khoản 2: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

8. Điều 6: điều 6 cũ chuyển thành điều 7 mới và bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1: Tách khoản 1 cũ thành 3 khoản mới (khoản 1, 2, 3 mới) có nội dung tương tự và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 3, 4, 5: khoản 3, 4, 5 cũ thành khoản 5, 6, 7 mới tương ứng và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

9. Điều 7: điều 7 cũ chuyển thành điều 8 mới và bổ sung, sửa đổi tiêu đề.

- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 2: bỏ khoản 2 cũ và viết lại khoản 2 mới.

- Sửa khoản 3: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 4: Bỏ khoản 4 cũ.

- Sửa khoản 5: khoản 5 cũ thành khoản 4 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 6, 7: Bỏ khoản 6, 7 cũ.

10. Điều 8: điều 8 cũ chuyển thành điều 9 mới và nội dung có bổ sung, sửa đổi một số từ ngữ.

11. Điều 9: điều 8 cũ chuyển thành điều 9 mới và không bổ sung, sửa đổi.

12. Điều 9: điều 8 cũ chuyển thành điều 10 mới và có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

13. Điều 11: điều 11 cũ chuyển thành điều 12 mới và không bổ sung, sửa đổi.

14. Điều 12: điều 12 cũ chuyển thành điều 13 mới và có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 2, 3: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

15. Điều 13: điều 13 cũ chuyển thành điều 14 mới và có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Bổ sung thêm khoản 2 mới.

- Sửa đổi khoản 2, 3, 4, 5: khoản 2 cũ chuyển thành khoản 3 mới và tuân tự đến khoản 5 cũ chuyển thành khoản 6 mới.

- Sửa khoản 6: Bỏ khoản 6 cũ.

16. Điều 14: điều 14 cũ chuyển thành điều 15 mới và có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 2, 3, 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

17. Điều 15: điều 15 cũ chuyển thành điều 16 mới và có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3, 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

18. Điều 16: điều 16 cũ chuyển thành điều 17 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3, 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

19. Thêm điều 18 mới: "Thay đổi các quyền".

20. Điều 17: điều 17 cũ chuyển thành điều 19 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 2:

+ Sửa điểm (a): sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

+ Thêm điểm (b), (c), (d) mới.

+ Sửa điểm (b), (c): điểm (b) cũ thành điểm (e), điểm (c) cũ thành điểm (f).

+ Thêm điểm (g) mới.

- Sửa khoản 3, 4, 5: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 5*: (khoản này điều lệ cũ đánh số trùng) bỏ khoản 5* cũ này.

- Sửa khoản 6: bỏ khoản 6 ở điều này (và sẽ chuyển thành khoản 4 điều 22 mới).

21. Điều 18: điều 18 cũ chuyển thành điều 20 mới.

- Sửa khoản 1, 2, 3: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

22. Điều 19: điều 19 cũ chuyển thành điều 21 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3, 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 5: bỏ khoản 5 cũ, viết lại thay bằng khoản 5 mới.

- Sửa khoản 6: chuyển khoản 6 cũ thành khoản 7 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 7: chuyển khoản 7 cũ thành khoản 6 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 8, 9, 10: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 11: tách khoản 11 cũ thành khoản 11, khoản 12 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

23. Điều 20: điều 20 cũ chuyển thành điều 22 mới và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Thêm khoản 2 mới.

- Sửa khoản 2: chuyển khoản 2 cũ thành khoản 3 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Thêm khoản 4 mới: lấy nguyên nội dung của khoản 6, điều 17 cũ sang.

24. Điều 21: điều 21 cũ chuyển thành điều 23 mới và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 4: tách khoản 4 cũ thành khoản 4, khoản 5 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 5, 6, 7, 8: chuyển khoản 5, 6, 7, 8 cũ thành khoản 6, 7, 8, 9 mới tương ứng và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

25. Điều 22: điều 22 cũ chuyển thành điều 24 mới và nội dung có bổ sung, sửa đổi: bỏ điều 22 cũ và viết lại thành điều 24 mới với 5 khoản.

26. Điều 23: điều 23 cũ chuyển thành điều 25 mới và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

27. Thêm điều 26 mới: “**Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**”

28. Điều 24: điều 24 cũ chuyển thành điều 27 mới và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 2, 3: Bỏ khoản 2, khoản 3 cũ và thay lại bằng khoản 2 mới, nội dung mới.

- Sửa khoản 4: chuyển khoản 4 cũ thành khoản 5 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 5: chuyển khoản 5 cũ thành khoản 3 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 6: bỏ khoản 6 cũ .

- Sửa khoản 7: chuyển khoản 7 cũ thành khoản 4 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

29. Điều 25: điều 25 cũ chuyển thành điều 28 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 2: Bỏ khoản 2 cũ và thay lại bằng khoản 2 mới, nội dung mới.

- Thêm khoản 3 mới.

- Sửa khoản 3, 4: Bỏ khoản 3, khoản 4 cũ.

- Sửa khoản 5: chuyển khoản 5 cũ thành khoản 5 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 6, 7, 8, 9: bỏ các khoản 6, 7, 8, 9 (*Để hình thành điều 29 mới*).

- Sửa khoản 10: chuyển khoản 10 cũ thành khoản 4 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

30. Thêm điều 29 mới: **“Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị”**.

31. Điều 26: điều 26 cũ chuyển thành điều 30 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 6: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

32. Điều 27: điều 27 cũ chuyển thành điều 31 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 9: chuyển khoản 9 cũ thành khoản 11 mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16: bỏ các khoản 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 cũ và viết lại thành các khoản 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 mới theo trình tự sắp xếp và nội dung có sửa đổi, bổ sung.

33. Thêm điều 32 mới: **“Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị”**

34. Thêm điều 33 mới: **“Người phụ trách quản trị công ty ”**

35. Chương VIII: sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

36. Điều 28: điều 28 cũ chuyển thành điều 34 mới và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

37. Điều 29: điều 29 cũ chuyển thành điều 35 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

38. Điều 30: điều 30 cũ chuyển thành điều 36 mới và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 6: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

39. Điều 31: Bỏ điều 30 cũ (*đã thêm điều 33 mới và nội dung có bổ sung, sửa đổi*).

40. Thêm điều 37 mới: “**Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**”.

41. Điều 32: điều 32 cũ chuyển thành điều 38 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3, 4, 5: bỏ các khoản 1, 2, 3, 4, 5 cũ và viết lại thành các khoản 1, 2, 3, 4 mới theo trình tự sắp xếp và nội dung có sửa đổi, bổ sung.

42. Điều 33: điều 33 cũ chuyển thành điều 39 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3, 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

43. Chương X: sửa đổi, bổ sung tiêu đề.

44. Điều 34: điều 34 cũ chuyển thành điều 40 mới, sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

45. Điều 35: điều 35 cũ chuyển thành điều 41 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Thêm khoản 1 mới.

- Sửa khoản 1, 2, 3, 4: chuyển các khoản 1, 2, 3, 4 cũ thành các khoản 2, 3, 4, 5 mới tương ứng và nội dung có sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

46. Điều 36: điều 36 cũ chuyển thành điều 42 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 2: tách khoản 2 cũ thành khoản 2, khoản 3 mới và nội dung có sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

- Sửa khoản 3: chuyển khoản 3 cũ thành khoản 4 mới và nội dung không đổi.

47. Điều 37: điều 37 cũ chuyển thành điều 43 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3, 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

48. Điều 38: điều 38 cũ chuyển thành điều 44 mới. Chia điều 44 mới thành 2 khoản, nội dung có bổ sung, sửa đổi:

49. Điều 39: điều 39 cũ chuyển thành điều 45 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Thêm khoản 2 mới: Điều lệ cũ không có khoản 2 (*Đánh số thứ tự sót*).

- Sửa khoản 4, 5: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

50. Chương XIV: sửa đổi, bổ sung tiêu đề.

51. Điều 40: điều 40 cũ chuyển thành điều 46 mới và nội dung có sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

52. Điều 41: điều 41 cũ chuyển thành điều 47 mới và nội dung có sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

53. Điều 42: điều 42 cũ chuyển thành điều 48 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.

54. Chương XV: sửa đổi, bổ sung tiêu đề.

55. Điều 43: điều 43 cũ chuyển thành điều 49 mới, sửa đổi tiêu đề và nội dung có bổ sung, sửa đổi:

- Sửa khoản 1, 2, 3, 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
 - Thêm khoản 5 mới:
56. Điều 45: điều 45 cũ chuyển thành điều 51 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:
- Sửa khoản 1, 2, 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
57. Điều 46: điều 46 cũ chuyển thành điều 52 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:
- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
58. Điều 47: điều 47 cũ chuyển thành điều 53 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:
- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
 - + Bỏ điểm (b).
 - + Điểm (c) cũ chuyển thành điểm (b) mới.
 - + Thêm điểm (c) mới.
 - + Sửa điểm (d): sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
 - Sửa khoản 2: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
59. Điều 48: điều 48 cũ chuyển thành điều 54 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:
- Sửa khoản 1, 2: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
60. Điều 49: điều 49 cũ chuyển thành điều 55 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:
- Sửa khoản 1, 2: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
 - Sửa khoản 3: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
 - + Sửa điểm (b, c): sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
 - + Bỏ điểm (d) cũ.
 - + Điểm (e) cũ chuyển thành điểm (d) mới.
 - + Điểm (f) cũ chuyển thành điểm (e) mới và sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
61. Điều 50: điều 50 cũ chuyển thành điều 56 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:
- Sửa khoản 1, 2, 3: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
62. Điều 52: điều 52 cũ chuyển thành điều 58 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:
- Sửa khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
63. Điều 53: điều 53 cũ chuyển thành điều 59 mới, nội dung có bổ sung, sửa đổi:
- Sửa khoản 1, 2, 4: sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ.
- (Nội dung chi tiết các sửa đổi, bổ sung nêu trên có Phụ Lục kèm theo)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Sinh

Theo Điều lệ năm 2017	Đề nghị sửa đổi, bổ sung
PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Công ty cổ phần ACC-244 (dưới đây gọi là “Công ty”). Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định của Công ty khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua vào ngày 04 tháng 3 năm 2010.	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Công ty cổ phần ACC-244 (dưới đây gọi là “Công ty”). Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định của Công ty khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua vào ngày 04 tháng 3 năm 2010.
Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là <u>vốn do tất cả các cổ đông đóng góp</u> và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này. b. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp <u>số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua</u> ngày 26 tháng 11 năm 2014. c. "Ngày hoạt động" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. d. "<u>Cán bộ quản lý</u>" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là <u>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp</u> và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26/11/2014; c. "<u>Luật chứng khoán</u>" là <u>Luật chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;</u> d. "Ngày hoạt động" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (<u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ có giá trị tương đương</u>) lần đầu; e. "<u>Người điều hành doanh nghiệp</u>" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp. f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết. g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản <u>dẫn chiếu sẽ</u> bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung, <u>tra cứu, dẫn chiếu</u> và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này; <u>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, <u>khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán</u>; g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán; h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết; i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản <u>khác</u> bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
--	--

Chương II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 1. Tên Công ty. - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244; - Tên tiếng Anh : ACC-244 Joint Stock Company; - Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244; - Tên viết tắt : ACC-244 JSC; 2. Hình thức Công ty. Công ty là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và là công ty con của Tổng Công ty xây dựng công trình hàng không ACC. Công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. 3. Trụ sở <u>chính</u> đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ : 164 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội; - Điện thoại : (84.4).35651528/35652030; - Fax : (84.4).38522622; - E-mail : info@acc244.com.vn; - Website : www.acc244.com.vn. <u>4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u> 5. Công ty có thể thành lập chi nhánh	Chương II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG <u>VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</u> CỦA CÔNG TY Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244; - Tên tiếng Anh : ACC-244 Joint Stock Company; - Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244; - Tên viết tắt : ACC-244 JSC; 2. Hình thức Công ty. Công ty là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và là công ty con của Tổng Công ty xây dựng công trình hàng không ACC. Công ty <u>là công ty cổ phần</u> có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ <u>trụ sở chính</u>: 164 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội; - Điện thoại: (84.24).35651528/35652030; - Fax: (84.24).38522622; - E-mail : info@acc244.com.vn; - Website : www.acc244.com.vn. 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị
--	---

và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều <u>47 và Điều 48</u> hoặc gia hạn hoạt động theo Điều <u>49</u> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	và trong phạm vi luật pháp cho phép. 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều <u>53</u> hoặc gia hạn hoạt động theo Điều <u>54</u> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</u> <u>1. Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u> <u>2. Quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện theo Điều 13 và Điều 14 của Luật Doanh nghiệp.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 3. Tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức. 2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 4. Tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức. 2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY Điều 4. Mục tiêu hoạt động của	Chương III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công

Công ty 1. Kinh doanh đa ngành, trong đó xây dựng là ngành kinh doanh chính; bảo toàn và phát triển vốn, từng bước phát triển thành Công ty có danh tiếng và thị phần cao trong nước; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động kinh doanh và quản lý; tối đa hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động ngày càng cao. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	ty Kinh doanh đa ngành, trong đó xây dựng là ngành kinh doanh chính; bảo toàn và phát triển vốn, từng bước phát triển thành Công ty có danh tiếng và thị phần cao trong nước; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động kinh doanh và quản lý; tối đa hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động ngày càng cao. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép <u>tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh</u>; lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo đúng nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành <u>mở rộng</u> hoạt động kinh doanh trong các <u>lĩnh vực</u> khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo <u>ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</u> 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các <u>ngành, nghề</u> khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 đồng (<i>Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ bốn trăm linh tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng</i>).	Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 đồng (<i>Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ bốn trăm linh tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng</i>).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.940.862 cổ phần. Cổ phần phát hành lần đầu: 2.940.862 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng; Trong đó: <i>Cổ phần nhà nước: 1.990.862 cổ phần, tương ứng 67,70% vốn điều lệ.</i> Công ty có thể tăng vốn điều lệ để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này. 2. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty. Hội đồng quản trị phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp [tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc] để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán. 4. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện	Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.940.862 cổ phần. Cổ phần phát hành lần đầu: 2.940.862 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng; Trong đó: <i>Cổ phần nhà nước: 1.990.862 cổ phần, tương ứng 67,70% vốn điều lệ.</i> 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này. 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá. 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng
--	--

hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. 5. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. (Bỏ các từ gạch chân)	khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này. 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật. (Thêm các từ gạch chân)
Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều này. 2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần. 3. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì. 4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại	Điều 8. Chứng nhân cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhân cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhân cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhân cổ phiếu.

<u>sẽ được cấp miễn phí.</u> 5. Trường hợp chứng <u>chỉ</u> cổ phiếu <u>ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy</u>, người sở hữu cổ phiếu <u>ghi danh</u> đó có thể <u>yêu cầu</u> được cấp chứng <u>chỉ</u> cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. <u>6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</u> <u>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	4. Trường hợp chứng <u>nhân</u> cổ phiếu <u>bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng</u>, người sở hữu cổ phiếu đó có thể <u>đề nghị</u> được cấp chứng <u>nhân</u> cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty <u>(trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự)</u>, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký <u>mẫu</u> của đại diện theo pháp luật của Công ty, <u>trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở	Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao

giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán <u>và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 10. Thu hồi cổ phần 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. 2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới [tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo], địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối <u>hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác</u> theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng	Điều 11. Thu hồi cổ phần 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. 2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán <u>quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến

với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó. 6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó. 6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Điều 12. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 2. <u>Người nắm giữ cổ phần</u> phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng	Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Điều 13 Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 2. <u>Cổ đông</u> phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy

cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. <u>Được</u> ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông <u>trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, <u>sổ</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>số cổ phần góp vốn vào</u> Công ty sau khi Công ty đã thanh toán <u>cho chủ nợ và các cổ đông loại khác</u> theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp</u>; i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>trên</u> 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ (06) sáu tháng <u>trở lên</u> có các quyền sau: a. Đề cử <u>người vào</u> Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, theo quy định tương ứng tại <u>các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 3 Điều 32</u> của Điều lệ này. b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Khoản 3 Điều 114</u>	quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; <u>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u> g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>tỷ lệ sở hữu cổ phần tại</u> Công ty sau khi Công ty đã thanh toán <u>các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty</u> theo quy định của pháp luật; i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp; j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ 10%</u> tổng số cổ phần phổ thông <u>trở lên</u> trong thời hạn liên tục <u>ít nhất</u> sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Đề cử <u>các ứng viên</u> Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại <u>Điều 25 và Điều 36</u> Điều lệ này; b. Yêu cầu <u>Hội đồng quản trị thực hiện việc</u> triệu tập <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và <u>Điều 136</u> Luật doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản
--	--

Luật doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và <u>bỏ phiếu</u> tại Đại hội đồng cổ đông. d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác được quy định <u>tại Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này.	trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và <u>biểu quyết</u> tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <u>Thẻ căn cước công dân</u>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác theo quy định <u>của pháp luật</u> và Điều lệ này.
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã	Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông <u>phổ thông</u> có <u>các</u> nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế <u>nội bộ</u> của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. <u>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</u> <u>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> <u>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u> <u>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u> 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

đăng ký mua theo quy định; 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <u>nguy cơ</u> tài chính <u>có thể xảy ra</u> đối với Công ty. <u>6. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <u>các rủi ro</u> tài chính đối với Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn	Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua <u>các vấn đề sau</u>: a. Báo cáo tài chính năm <u>đã</u> được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý

mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán; đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị <u>hoặc</u> Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; m. Quyết định giao dịch bán tài sản <u>Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua</u> có giá trị từ <u>50%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các <u>chi nhánh của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; n. <u>Công ty</u> mua lại <u>hơn 10% một loại</u> cổ phần phát hành; <u>o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u> p. Công ty <u>hoặc các chi nhánh của Công ty</u> ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty <u>và các chi nhánh của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <u>được kiểm toán;</u>	kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán <u>độc lập;</u> e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần <u>và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</u> i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty; l. Quyết định giao dịch <u>đầu tư</u>/bán số tài sản có giá trị từ <u>35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính <u>kỳ</u> gần nhất đã được kiểm toán; m. <u>Quyết định</u> mua lại <u>trên 10% tổng số</u> cổ phần phát hành <u>của mỗi loại;</u> n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ
--	---

q. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều <u>162 Luật Doanh nghiệp</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh <u>hoặc chào mua công khai</u> trên Sở giao dịch chứng khoán. 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều <u>này</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua <u>giao dịch</u> khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán <u>hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật</u>. 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội	Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua <u>các vấn đề sau</u>: a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán; đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; m. Quyết định giao dịch bán tài sản <u>Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua</u> có giá trị từ <u>50%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty <u>và các chi nhánh của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; n. <u>Công ty</u> mua lại <u>hơn 10%</u> <u>một loại</u> cổ phần phát hành; <u>o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u> p. Công ty <u>hoặc các chi nhánh của Công ty</u> ký kết hợp đồng với những <u>người</u> được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty <u>và các chi nhánh của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <u>được kiểm toán;</u> q. Các vấn đề khác theo quy định của	c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán <u>độc lập;</u> e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần <u>và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</u> i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty; l. Quyết định giao dịch <u>đầu tư</u>/bán số tài sản có giá trị từ <u>35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính <u>kỳ gần nhất</u> đã được kiểm toán; m. <u>Quyết định</u> mua lại <u>trên 10%</u> <u>tổng số</u> cổ phần phát hành <u>của mỗi loại;</u> n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những <u>đối tượng</u> được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại
--	--

Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều <u>162 Luật Doanh nghiệp</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh <u>hoặc chào mua công khai</u> trên Sở giao dịch chứng khoán. 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.	khoản 2 Điều <u>này</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua <u>giao dịch</u> khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán <u>hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật</u>. 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
Điều <u>16</u>. Các đại diện <u>được</u> ủy quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông <u>theo luật pháp</u> có thể ủy quyền cho đại diện <u>của mình</u> tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện <u>được cử</u> thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền</u> thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của <u>người đại diện theo ủy quyền, người đại diện</u>	Điều <u>17</u>. Đại diện <u>theo</u> ủy quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định của pháp luật</u> có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện <u>theo ủy quyền</u> thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <u>cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức</u> được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp <u>cổ đông tổ chức là người ủy quyền</u> thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của <u>người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức</u> được ủy quyền dự họp;

<u>theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</u> c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư <u>hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó</u> (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). 4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền <u>khi đăng ký dự họp</u> trước khi vào phòng họp. 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định <u>người</u> đại diện, việc chỉ định <u>người</u> đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định <u>người</u> đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 18. Thay đổi các quyền</u> 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền <u>đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền</u>

	<u>biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</u> 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20 và Điều 22 Điều lệ này. 3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 17. Triệu tập <u>Đại hội đồng cổ đông</u>, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <u>những nhiệm vụ</u> sau	Điều 19. Triệu tập <u>họp</u>, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông hoặc <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 15 Điều lệ này. 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các <u>công việc</u> sau đây:

đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</u> b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo <u>họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất</u> mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ <u>địa chỉ trang thông tin điện tử</u> để các cổ đông có thể tiếp cận.	a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội <u>đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u> b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội. 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông <u>bằng phương thức bảo đảm</u>, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty <u>và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi</u> thông báo <u>mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất</u> mười lăm (15) ngày trước ngày <u>khai mạc cuộc</u> họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc <u>và</u> đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ <u>đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp</u> để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các
---	---

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều <u>12</u> Điều lệ này có quyền <u>đề xuất các</u> vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần <u>người</u> đó nắm giữ, và nội dung <u>đề nghị</u> đưa vào chương trình họp. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối <u>những đề xuất</u> liên quan đến Khoản 4 Điều <u>17</u> trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm <u>đề xuất</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ <u>ít nhất 10%</u> cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều <u>12</u> Điều lệ này; c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông <u>bàn bạc và thông qua</u>; d. Các trường hợp khác. <u>5. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong</u>	<u>ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</u> c. <u>Phiếu biểu quyết;</u> d. <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</u> e. <u>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u> 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 <u>Điều 13</u> Điều lệ này có quyền <u>kiến nghị</u> vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị</u> phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị</u> phải bao gồm họ và tên cổ đông, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u> số lượng và loại cổ phần <u>cổ đông</u> đó nắm giữ, và nội dung <u>kiến nghị</u> đưa vào chương trình họp. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối <u>kiến nghị</u> quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a. <u>Kiến nghị</u> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm <u>kiến nghị</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ <u>từ 10%</u> cổ phần phổ thông <u>trở lên</u> trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều <u>13</u> Điều lệ này; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác <u>theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u>
--	---

<u>chương trình họp.</u> <u>6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.(chuyên k4/điều 22)</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
--	---------------------------------------

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>65%</u> cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm <u>ấn</u> định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập <u>lại</u> chỉ được tiến hành khi có <u>thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền</u> dự họp đại diện <u>cho</u> ít nhất <u>51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, <u>và</u> trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <u>số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và</u> được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. <u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm <u>xác</u> định khai mạc đại hội, <u>người triệu tập họp hủy cuộc họp</u>. <u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông triệu tập <u>lần thứ hai</u> chỉ được tiến hành khi có <u>số cổ đông</u> dự họp đại diện ít nhất <u>33%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <u>tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp</u>, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. <u>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</u>, Công ty phải <u>thực hiện</u> thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ	Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông 1. <u>Trước khi khai mạc cuộc họp</u>, Công ty phải <u>tiến hành</u> thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu

biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. <u>Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u>: Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa <u>nhưng không vượt quá ba người</u>. 3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông <u>muộn</u> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của <u>các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng</u>. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, <u>thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất</u> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất	biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. 3. Cổ đông <u>hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc</u> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>ngay sau khi đăng ký</u>. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của <u>những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi</u>. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên <u>Hội đồng quản trị</u> còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp <u>theo nguyên tắc đa số</u>. Trường hợp không <u>bầu được người</u> làm chủ tọa, <u>Trưởng Ban kiểm soát</u> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. <u>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác</u>
--	--

được cử làm chủ tọa cuộc họp. <u>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</u> 6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. <i>(chuyển thành k7/điều này)</i> 7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. 8. <u>Hội đồng quản trị có thể</u> yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh <u>mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp</u>. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <u>Hội đồng quản trị</u> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên <u>tham gia</u> đại hội. 9. <u>Hội đồng quản trị</u>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp <u>được Hội đồng quản trị cho là</u> thích hợp để: - Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. <u>Hội đồng quản trị</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất	<u>định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</u> 6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, <u>theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</u> 7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết <u>theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</u> 8. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền</u> yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh <u>hợp pháp, hợp lý khác</u>. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <u>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên <u>ra khỏi</u> đại hội. 9. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: - Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, <u>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> khi
---	---

cả các biện pháp <u>nếu Hội đồng quản trị thấy</u> cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp <u>tại</u> Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, <u>Hội đồng quản trị</u> khi xác định địa điểm đại hội có thể: a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này. 11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	xác định địa điểm đại hội có thể: a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này. 11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. <u>12.</u> Hàng năm, Công ty tổ chức <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
---	---

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (<u>trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp</u>) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (<u>đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u>). <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. <u>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</u> 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức	Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý

lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>bất cứ lúc nào nếu</u> xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông</u>. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty</u>; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u>; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua	kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>khi</u> xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>ngợi quyết</u> Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>ngợi quyết</u>. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. <u>Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này</u>. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp</u>; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <u>Thẻ căn cước công dân</u>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; <u>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của</u> đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
--	--

quyết định; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty; 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>của người đại diện theo uỷ quyền hoặc</u> người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. <u>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</u> 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không <u>nắm giữ chức vụ quản lý công ty</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</u> b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân	e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến <u>đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</u> f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty. 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>hoặc</u> người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức <u>hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</u> <u>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</u> <u>a. Gửi thư:</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; <u>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u> <u>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</u> <u>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.</u> Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u> b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ <u>và phương thức gửi phiếu biểu</u>
--	--

biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Các <u>quyết định</u> đã được thông qua; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác; 6. Biên bản kiểm phiếu phải được <u>công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và</u> gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, <u>toàn văn</u> nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty; 8. <u>Quyết định</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>75%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. (Bỏ các từ gạch chân)	<u>quyết</u>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Các <u>vấn đề</u> đã được thông qua; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, <u>người kiểm phiếu</u> và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, <u>người kiểm phiếu</u> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <u>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u> 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 9. <u>Nghị quyết</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. (Thêm các từ gạch chân)
--	---

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <u>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ toạ đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u> —	Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</u> <u>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u> <u>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</u> <u>d. Họ, tên chủ toạ và thư ký;</u> <u>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</u> <u>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u> <u>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u> <u>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</u> <u>i. Chữ ký của chủ toạ và thư ký.</u> <u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</u> <u>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</u> <u>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử</u>
---	--

(Bỏ nội dung Điều 22 cũ để viết mới)	<u>của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u> <u>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u> <u>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u> <i>(Viết mới điều này, thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>Đại hội đồng cổ đông</u>, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ <u>công ty</u>; 2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ <u>công ty</u>. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của	Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông <u>bằng văn bản</u>, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, <u>cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của</u> Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ <u>này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.</u> 2. <u>Nội dung nghị quyết</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ <u>này.</u> Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án

Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <u>Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</u> <u>a. Ho tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> <u>b. Trình độ học vấn;</u> <u>c. Trình độ chuyên môn;</u> <u>d. Quá trình công tác;</u> <u>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</u> <u>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</u> <u>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</u> <u>h. Ho, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u> <u>i. Các thông tin khác (nếu có).</u>

	<u>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:</u> a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên; b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (02) hai ứng cử viên; c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (03) ba ứng cử viên; d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (04) bốn ứng cử viên; e. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (05) năm ứng cử viên; f. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên; <u>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
--	---

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. <u>Hội đồng quản trị của công ty gồm năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm; <u>thành viên Hội đồng quản trị</u> có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị như sau:</u> a. <u>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;</u> b. <u>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</u> c. <u>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</u> d. <u>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;</u> e. <u>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng</u>	Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (05) năm người.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm <u>và</u> có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. <u>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</u> a. <u>Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u> b. <u>Đối với công ty niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u>

<u>cử viên:</u> <u>f. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên;</u> <u>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.(Điều 25)</u> <u>4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty. (chuyển thành k5/điều này)</u> <u>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</u> <u>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</u> <u>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u> <u>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u> <u>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm</u>	<u>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</u> <u>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>b. Có đơn từ chức;</u> <u>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u> <u>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> <u>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u>
--	---

<u>người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</u> <u>7.</u> Việc bổ nhiệm <u>các</u> thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u> <u>4.</u> Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. <u>5.</u> Thành viên Hội đồng quản trị <u>có thể</u> không phải là cổ đông của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
--	---

Điều 25. Quyền hạn và <u>nhệm vụ</u> của Hội đồng quản trị 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền <u>nhân danh</u> Công ty <u>trừ những</u> thẩm quyền <u>thuộc về</u> Đại hội đồng cổ đông. <u>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhệm vụ sau đây:</u> <u>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</u> <u>(k)b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u> <u>c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u> <u>(m)d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</u> <u>đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;</u> <u>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ công ty;</u> <u>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;</u> <u>(c)h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở</u>	Điều 28. <u>Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u> 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền <u>và nghĩa vụ của</u> Công ty <u>không thuộc</u> thẩm quyền <u>của</u> Đại hội đồng cổ đông. <u>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</u> <u>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</u> <u>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> <u>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</u> <u>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</u> <u>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</u> <u>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u> <u>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</u> <u>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</u> <u>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</u>
---	---

<u>công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</u> <u>(d)i. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</u> <u>(f)k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u> <u>(i)l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</u> <u>(n)m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>(j)n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u> <u>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;</u> <u>(o)p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</u> <u>(p)q. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u> <u>3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</u> <u>4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty;</u>	<u>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</u> <u>(b)k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</u> <u>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</u> <u>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u> <u>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</u> <u>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</u> <u>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</u> <u>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</u> <u>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</u> <u>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</u> <u>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</u> <u>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</u> <u>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ... đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;</u> <u>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</u> <u>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty</u>
--	---

5. Trừ khi luật pháp <u>có</u> quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và <u>các cán bộ quản lý</u> đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty. 6. <u>Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao và tiền thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</u> 7. <u>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại</u>	<u>không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</u> <u>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</u> <u>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</u> <u>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</u> 4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và <u>người điều hành khác</u> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. 5. Trừ khi pháp luật <u>và Điều lệ</u> quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và <u>người điều hành khác</u> đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
--	--

<u>diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</u> <u>8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công tron gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> <u>9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>(4/đ28)10. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và <u>những cán bộ quản lý</u> khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</u> <i>(chuyển k10/đ25 sang thành k4/điều 28)</i> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	(Thêm các từ gạch chân)
	<u>Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao</u>

	<u>cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</u> <u>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty].</u> <u>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> <u>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 26. Chủ tịch, <u>Phó Chủ tịch</u> Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức	Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám

Tổng Giám đốc Công ty khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị; đ. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; 6. Trường hợp <u>cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi</u>	đốc Công ty khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị; đ. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; 6. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu
--	--

miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 1. <u>Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành</u> trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất <u>và ngang nhau</u> thì các thành viên <u>đã</u> bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. <u>Các cuộc họp thường kỳ.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất <u>bảy</u> ngày trước ngày họp <u>dự kiến</u>. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. 3. <u>Các cuộc họp bất thường.</u> Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản <u>trình bày</u> mục đích cuộc họp và các vấn đề cần <u>bàn</u>: - Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) <u>cán bộ quản lý</u>; - Hai thành viên Hội đồng quản trị; - Chủ tịch Hội đồng quản trị; <u>Đa số thành viên</u> Ban kiểm soát.	Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị</u> trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất <u>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</u> thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số <u>để chọn</u> một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị <u>định kỳ và bất thường</u>, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất <u>năm (05) ngày làm việc</u> trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản <u>nêu rõ</u> mục đích cuộc họp, vấn đề cần <u>thảo luận</u>: - Ban kiểm soát; - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) <u>người điều hành khác</u>; <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>; <u>Ít nhất</u> hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; <u>Các trường hợp khác (nếu có).</u> 4. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập</u> họp Hội đồng quản trị trong thời hạn <u>bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này.</u> Trường hợp

4. <u>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 của Điều này phải được tiến hành</u> trong thời hạn <u>mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp</u>. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không <u>chấp nhận</u> triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 của Điều này có <u>thể tự mình</u> triệu tập họp Hội đồng quản trị. 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán <u>viên</u> độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. 6. <u>Địa điểm họp</u>. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị. 7. <u>Thông báo và chương trình họp</u>. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi <u>trước</u> cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước <u>khi tổ chức</u> họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể <u>có hiệu lực hồi tố</u>. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được <u>bàn bạc</u> và biểu quyết tại cuộc họp <u>Hội đồng</u> và <u>các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp</u>. Thông báo mời họp được gửi bằng <u>bưu điện</u>, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ	không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có <u>quyền</u> triệu tập họp Hội đồng quản trị. 5. Trường hợp có yêu cầu của <u>công ty</u> kiểm toán độc lập <u>thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</u>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. 6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác <u>ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài</u> theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị. 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>và các Kiểm soát viên</u> ít nhất năm (05) ngày <u>làm việc</u> trước <u>ngày</u> họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể <u>được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó</u>. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, <u>chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận</u>, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được <u>thảo luận</u> và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu <u>biểu quyết của</u> thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng <u>thư</u>, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị <u>và các Kiểm soát viên</u> được đăng ký tại Công ty.
--	--

của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u> 8. <u>Số thành viên tham dự tối thiểu.</u> Các cuộc họp của Hội đồng quản trị <u>lần thứ nhất chỉ</u> được tiến hành <u>các quyết định</u> khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>mười lăm (15)</u> ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. <u>(Từ k9-k16 bỏ và sắp xếp, sửa đổi bổ sung lại thành k9-k15/đ31)</u> <u>(11)9. Biểu quyết.</u> a. <u>Trừ quy định tại Điểm b, Khoản 9 của Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</u> b. <u>Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lương đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó</u>	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) <u>nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u> Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn <u>bảy (07)</u> ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. <u>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u> a. <u>Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u> b. <u>Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u> <u>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp.</u> <u>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u> 10. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể</u>
---	--

<u>không có quyền biểu quyết;</u> <u>c. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</u> <u>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</u> <u>10. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</u> <u>(9)11. Hop trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u> <u>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u> <u>b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u> <u>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông</u>	<u>gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</u> <u>11. Biểu quyết</u> <u>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</u> <u>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</u> <u>c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ toạ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</u> <u>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</u> <u>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u> <u>12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp</u>
---	--

tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

(14)12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

13. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về

đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản.

nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

14. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:

a. phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và,

b. nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

15. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

16. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung

(Thêm các từ gạch chân)

<u>của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	
	<u>Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u> <u>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
	<u>Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty</u> <u>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công</u>

	<u>ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</u> <u>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</u> <u>a. Có hiểu biết về pháp luật;</u> <u>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</u> <u>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</u> <u>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</u> <u>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</u> <u>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u> <u>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u> <u>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u> <u>d. Tham dự các cuộc họp;</u> <u>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</u> <u>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</u> <u>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</u> <u>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u> <u>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy</u>
--	---

	<u>định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương VIII TỔNG GIÁM ĐỐC, <u>CÁN BỘ QUẢN LÝ</u> <u>VÀ THU KÝ CÔNG TY</u> Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>trực thuộc sự lãnh đạo</u> của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <u>thực hiện</u> bằng nghị quyết Hội đồng quản trị <u>được thông qua một cách hợp thức.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương VIII TỔNG GIÁM ĐỐC <u>VÀ NGƯỜI</u> <u>ĐIỀU HÀNH KHÁC</u> Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>chịu sự giám sát, chỉ đạo</u> của Hội đồng quản trị <u>trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.</u> Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <u>thông qua</u> bằng nghị quyết Hội đồng quản trị. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>

Điều 29. <u>Cán bộ quản lý</u> 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được <u>sử dụng</u> số lượng <u>và loại</u> <u>cán bộ quản lý cần thiết</u>, phù hợp với cơ cấu và <u>thông lệ</u> quản lý công ty <u>tùy từng thời điểm</u>. <u>Cán bộ quản lý</u> phải có sự <u>mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra</u>. 2. <u>Mức lương</u>, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. <u>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng sẽ</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 35. <u>Người điều hành doanh nghiệp</u> 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được <u>tuyển dụng người điều hành khác với</u> số lượng <u>và tiêu chuẩn</u> phù hợp với cơ cấu và <u>quy chế</u> quản lý <u>của Công ty do Hội đồng quản trị quy định</u>. <u>Người điều hành doanh nghiệp</u> phải có <u>trách nhiệm</u> mẫn cán <u>để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức</u>. 2. Thù lao, <u>tiền lương</u>, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng <u>với những người điều hành khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 30. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</u> 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một <u>người trong số họ</u> hoặc <u>thuê</u> người khác làm Tổng Giám đốc. <u>Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty</u>. 2. <u>Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao</u>. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm <u>lai với số nhiệm kỳ không hạn chế</u>. <u>Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật doanh nghiệp</u>. Tổng Giám đốc công ty không được	Điều 36. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</u> 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) <u>thành viên Hội đồng quản trị</u> hoặc <u>một</u> người khác làm Tổng giám đốc; <u>ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác</u>. <u>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty</u>. 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc <u>không</u> quá năm (05) năm và có thể được <u>tái</u> bổ nhiệm. <u>Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động</u>. <u>Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</u>. Tổng Giám đốc công ty không được

đồng thời làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp khác. 3. Tổng Giám đốc có các quyền và <u>nhiệm vụ</u> sau đây: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính những năm tiếp theo. k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. <i>(Giữ nguyên theo điều lệ cũ, chuyển sang thành k3/đ36)</i> 4. Tổng Giám đốc phải điều hành công	đồng thời làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp khác. 3. Tổng giám đốc có các quyền và <u>nghĩa vụ</u> sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính những năm tiếp theo. k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết
---	---

việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty. 5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. 6. <u>Bãi nhiệm</u>. Hội đồng quản trị có thể <u>bãi</u> nhiệm Tổng Giám đốc khi <u>có từ hai phần ba (2/3)</u> thành viên Hội đồng quản trị <u>trở lên</u> biểu quyết tán thành <u>(trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc)</u> và bổ nhiệm <u>một</u> Tổng Giám đốc mới thay thế. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty. 5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu. 6. Hội đồng quản trị có thể <u>miễn</u> nhiệm Tổng giám đốc khi <u>đa số</u> thành viên Hội đồng quản trị <u>có quyền</u> biểu quyết <u>dur hop</u> tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 31. Thư ký Công ty</u> <u>Hội đồng quản trị có thể chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</u> <u>1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u> <u>2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</u> <u>3. Tham dự các cuộc họp.</u> <u>4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</u> <u>5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội</u>	

<u>đồng quản trị và Ban kiểm soát.</u> <u>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo</u> <u>mật thông tin theo các quy định của pháp</u> <u>luật và Điều lệ Công ty.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	
--	--

Chương IX BAN KIỂM SOÁT	Chương IX BAN KIỂM SOÁT <u>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</u> <u>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau:</u> <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát như sau:</u> <u>a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;</u> <u>b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</u> <u>c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</u> <u>d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên;</u> <u>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u> <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
<u>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</u> <u>1. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> <u>2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là thành viên</u>	<u>Điều 38. Kiểm soát viên</u> <u>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là (03) ba người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> <u>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u>

<u>hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u> <u>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u> <u>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</u> <u>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</u> <u>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát như sau:</u> <u>a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;</u> <u>b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</u> <u>c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</u> <u>d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên;</u> <u>4. Trường hợp số lượng các ứng viên</u>	<u>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</u> <u>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</u> <u>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u> <u>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</u> <u>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</u> <u>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u> <u>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</u> <u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> <u>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u> <u>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</u> <u>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</u> <u>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u> <u>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u> <u>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</u>
--	---

Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. <i>(chuyển đến k2/đ37 mới)</i> <u>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</u> <u>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</u> <u>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</u> <u>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u> <u>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u> <u>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 33. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: <u>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</u>	Điều 39. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: <u>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</u> <u>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về</u>

<u>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</u> <u>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</u> <u>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</u> <u>đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</u> <u>e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</u> <u>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</u> <u>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</u> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp <u>tất cả</u> các thông tin và tài liệu <u>liên quan đến</u> hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao <u>các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</u> 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và <u>số lượng thành viên tham gia</u>	<u>hoạt động giám sát của mình;</u> <u>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u> <u>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u> <u>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u> <u>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>người điều hành doanh nghiệp</u> khác phải cung cấp <u>đầy đủ, chính xác và kịp thời</u> các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. <u>Người phụ trách quản trị</u> công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các <u>ngghi quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên</u> Hội đồng quản trị. 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và <u>cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</u> 4. Thù lao, <u>tiền lương và lợi ích khác của</u>
---	---

<u>các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</u> 4. <u>Mức</u> thù lao <u>của các thành viên Ban kiểm soát</u> do Đại hội đồng cổ đông quyết định. <u>Thành viên của Ban kiểm soát</u> được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<u>Kiểm soát viên</u> do Đại hội đồng cổ đông quyết định. <u>Kiểm soát viên</u> được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương X <u>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN</u> <u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN</u> <u>BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC</u> <u>VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</u> Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và <u>cán bộ quản lý</u> khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích <u>cao nhất</u> của Công ty <u>và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương X <u>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN</u> <u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,</u> <u>KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u> Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và <u>người điều hành</u> khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và <u>cán bộ quản lý</u> khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</u> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và <u>người điều hành</u> khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của

được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng

mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực

quản trị <u>hoặc tiêu ban đó</u> đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <u>yếu tố</u> quan trọng <u>về</u> hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của <u>cán bộ quản lý hoặc</u> thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc <u>một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</u> Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, <u>cán bộ quản lý</u> khác và <u>những người</u> có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <u>nội dung</u> quan trọng <u>của</u> hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác</u> đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u> Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, <u>người điều hành</u> khác và <u>các tổ chức, cá nhân</u> có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
--	---

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và <u>cán bộ quản lý</u> khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>cán bộ quản lý</u>, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <u>cán bộ quản lý</u>, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không <u>chống lại</u> lợi ích <u>cao nhất</u> của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, <u>cán bộ quản lý</u>, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;	Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và <u>người điều hành</u> khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, <u>Tổng giám đốc</u>, <u>người điều hành khác</u>, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <u>người điều hành doanh nghiệp</u>, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không <u>mâu thuẫn</u> với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. 3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, <u>người điều hành khác</u>, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
--	---

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình. 3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 <u>Điều 24</u> và <u>Khoản 3 Điều 32</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng Giám đốc và <u>cán bộ quản lý</u> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký <u>kinh doanh</u>, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu	Chương XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 <u>Điều 25</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và <u>người điều hành khác</u> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký <u>doanh nghiệp</u>, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <u>nghi quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị</u>, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội

tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. 4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên <u>website</u> của công ty. (Bỏ các từ gạch chân)	đồng quản trị, <u>các báo cáo của Hội đồng quản trị</u>, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. 4. Điều lệ công ty phải được công bố trên <u>trang thông tin điện tử</u> của Công ty. (Thêm các từ gạch chân)
Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN Điều 38. Công nhân viên và Công đoàn Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng <u>lao động, buộc thôi việc, lương bổng</u>, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với <u>cán bộ quản lý và</u> người lao động <u>cũng như những mối</u> quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành. (Bỏ các từ gạch chân)	Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN Điều 44. Công nhân viên và công đoàn <u>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</u> <u>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến</u> quan hệ của Công ty với <u>các</u> tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành. (Thêm các từ gạch chân)

Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN Điều 39. Phân phối lợi nhuận 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 3. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thu hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. 6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi	Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN Điều 45. Phân phối lợi nhuận 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Công ty không thanh toán lãi cho <u>khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu</u>. 3. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. 4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về <u>tài khoản</u> ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. 6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 7. Trước khi chia cổ tức, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế lập các quỹ theo quy định
---	--

nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 7. Trước khi chia cổ tức, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế lập các quỹ theo quy định và được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	và được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ <u>HỆ THỐNG</u> KẾ TOÁN Điều 40. Tài khoản ngân hàng Công ty <u>sẽ</u> mở tài khoản tại <u>một hoặc một số</u> ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ <u>CHẾ ĐỘ</u> KẾ TOÁN Điều 46. Tài khoản ngân hàng <u>1.</u> Công ty mở tài khoản tại <u>các</u> ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. <u>2.</u> Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. <u>3.</u> Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>

Điều 41. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế</u> và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký <u>kinh doanh và đăng ký thuế</u> đó. (Bỏ các từ gạch chân)	Điều 47 Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng (01) Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ (31) Ba mươi một của tháng (12) Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> đó. (Thêm các từ gạch chân)
Điều 42. <u>Hệ thống</u> kế toán 1. <u>Hệ thống</u> kế toán Công ty sử dụng là <u>Hệ thống</u> kế toán Việt Nam (VAS) hoặc <u>hệ thống</u> kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. <u>Công ty sẽ</u> lưu giữ hồ sơ kế toán theo <u>loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia</u>. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam <u>làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán</u>. (Bỏ các từ gạch chân)	Điều 48. <u>Chế độ</u> kế toán 1. <u>Chế độ</u> kế toán Công ty sử dụng là <u>Chế độ</u> Kế toán Việt Nam (VAS), <u>chế độ kế toán doanh nghiệp</u> hoặc <u>chế độ</u> kế toán <u>đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành</u> khác được Bộ Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo <u>quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan</u>. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng <u>đơn vị tiền tệ trong kế toán là</u> đồng Việt Nam. <u>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp</u>. (Thêm các từ gạch chân)

Chương XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, <u>THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u> Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và công ty mẹ, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho công ty mẹ, cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của công ty mẹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty theo	Chương XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, <u>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</u> VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN Điều 49 Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và công ty mẹ, cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của công ty mẹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp. 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
--	---

quy định. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
--	--

Điều 44. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Điều 50 Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY Điều 45. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành <u>các hoạt động</u> kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận <u>và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty</u>, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được <u>gửi</u> đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY Điều 51 Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán <u>báo cáo tài chính của</u> Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 4. Kiểm toán viên <u>độc lập</u> thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến <u>việc</u> kiểm toán <u>báo cáo tài chính của Công ty</u>. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XVII CON DẤU Điều 46. Con dấu	Chương XVII CON DẤU Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị <u>sẽ</u> quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp <u>và Điều lệ công ty.</u> 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ Điều 47. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể <u>hoặc chấm dứt hoạt động</u> trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; <u>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u> c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d. Các trường hợp khác <u>do pháp luật quy định.</u> 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo <u>hay xin</u> chấp thuận <u>của</u> cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ Điều 53. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; <u>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</u> d. Các trường hợp khác <u>theo quy định của pháp luật.</u> 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo <u>hoặc phải được</u> chấp thuận <u>bởi</u> cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. <i>Thêm các từ gạch chân)</i>
Điều 48. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị <u>sẽ</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty <u>thêm một thời gian</u> theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn <u>thêm</u> khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu	Điều 54 Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc

bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua. (Bỏ các từ gạch chân)	thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông thông qua. (Thêm các từ gạch chân)
Điều 49. Thanh lý 1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có <u>một</u> quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý <u>sẽ</u> được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính. 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. <u>Tiền lương và chi phí</u> bảo hiểm <u>cho công nhân viên</u>; c. <u>Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước</u>; d. <u>Các khoản vay (nếu có)</u>; e. Các khoản nợ khác của Công ty; f. <u>Số dư</u> còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên	Điều 55. Thanh lý 1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính. 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. <u>Các khoản nợ</u> lương, <u>trợ cấp thôi việc</u>, bảo hiểm <u>xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết</u>; c. <u>Nợ</u> thuế; d. Các khoản nợ khác của Công ty; e. <u>Phần</u> còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	<i>(Thêm các từ gạch chân)</i>
Chương XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty <u>hay tới</u> quyền của các cổ đông <u>phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do</u> Luật doanh nghiệp <u>hay các luật khác hoặc các quy định hành chính</u> quy định, giữa: a. Cổ đông với Công ty; <u>hoặc</u> b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay <u>Cán bộ quản lý cao cấp</u> Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>sẽ</u> chủ trì việc giải quyết tranh chấp và <u>sẽ</u> yêu cầu từng bên trình bày các <u>yếu tố thực tiễn</u> liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập <u>để hành động với tư cách là trong tài</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp. 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, <u>bất cứ bên nào cũng</u> có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế. 3. Các bên sẽ tự chịu chi phí <u>của mình</u>	Chương XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ Điều 56 Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền <u>và nghĩa vụ</u> của các cổ đông <u>theo quy định tại</u> Luật doanh nghiệp, <u>các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các</u> quy định giữa: a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay <u>người điều hành khác;</u> Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các <u>thông tin</u> liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập <u>làm trung gian hòa giải</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp. 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, <u>một bên</u> có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế. 3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. <u>Việc thanh toán</u> các chi phí của Tòa án <u>được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</u>

có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án <u>sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu</u>. (Bỏ các từ gạch chân)	(Thêm các từ gạch chân)
Chương XX MỐI QUAN HỆ VỚI CÔNG TY MẸ Điều 51. Mối quan hệ với Công ty mẹ 1. Công ty chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty mẹ với tư cách là bên quản lý cổ phần, vốn góp chi phối thông qua việc cử người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Công ty mẹ. 2. Công ty mẹ có quyền: Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp chi phối. 3. Người đại diện của Công ty mẹ tại Công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a. Chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty với Công ty mẹ theo quy định và yêu cầu của Công ty mẹ; b. Chịu trách nhiệm trước Công ty mẹ và phải xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại Công ty; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty mẹ; c. Nộp cổ tức từ phần vốn góp về Công ty mẹ theo quy định; d. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty mẹ về việc sử dụng phần vốn góp; e. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của Công ty mẹ; f. Xác định nguồn thu từ bán cổ phần (thặng dư vốn) nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ để sử dụng theo quy định;	Chương XX MỐI QUAN HỆ VỚI CÔNG TY MẸ Điều 57. Mối quan hệ với Công ty mẹ 1. Công ty chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty mẹ với tư cách là bên quản lý cổ phần, vốn góp chi phối thông qua việc cử người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Công ty mẹ. 2. Công ty mẹ có quyền: Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp chi phối. 3. Người đại diện của Công ty mẹ tại Công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a. Chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty với Công ty mẹ theo quy định và yêu cầu của Công ty mẹ; b. Chịu trách nhiệm trước Công ty mẹ và phải xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại Công ty; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty mẹ; c. Nộp cổ tức từ phần vốn góp về Công ty mẹ theo quy định; d. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty mẹ về việc sử dụng phần vốn góp; e. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của Công ty mẹ; f. Xác định nguồn thu từ bán cổ phần (thặng dư vốn) nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ để sử dụng theo quy định; g. Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ và hình thức phát hành, lập phương án phân bổ

g. Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ và hình thức phát hành, lập phương án phân bổ các quỹ hàng năm báo cáo Công ty mẹ trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.	các quỹ hàng năm báo cáo Công ty mẹ trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.
Chương XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định <u>thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.</u> 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty . <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. <i>(Thêm các từ gạch chân)</i>

Chương XXII NGÀY HIỆU LỰC Điều 53. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm <u>22</u> chương <u>53</u> điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần ACC-244 nhất trí thông qua ngày <u>26 tháng 4 năm 2016</u> tại số 164, phố Lê Trọng Tấn, quận Thanh Xuân, Hà nội; được sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày 11/3/2011; sửa đổi, bổ sung lần 02 ngày 30/3/2013; sửa đổi, bổ sung lần 03 ngày 26/4/2016; sửa đổi, bổ sung lần 04 ngày 24/4/2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ này có hiệu lực thay thế các bản Điều lệ ban hành trước đây. 2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố; c. 04 bản lưu <u>trữ</u> tại <u>Văn phòng</u> Công ty; 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty; 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty <u>phải</u> có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị <u>mới có giá trị.</u> <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>	Chương XXII NGÀY HIỆU LỰC Điều 59. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm <u>22</u> chương <u>59</u> điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần ACC-244 nhất trí thông qua ngày <u>04 tháng 3 năm 2010</u> tại số 164, phố Lê Trọng Tấn, quận Thanh Xuân, Hà nội; được sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày 11/3/2011; sửa đổi, bổ sung lần 02 ngày 30/3/2013; sửa đổi, bổ sung lần 03 ngày 26/4/2016; sửa đổi, bổ sung lần 04 ngày 24/4/2017 <u>sửa đổi, bổ sung lần 05 ngày 23/4/2018</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ này có hiệu lực thay thế các bản Điều lệ ban hành trước đây. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. Bốn (04) bản lưu <u>giữ</u> tại <u>trụ sở chính của</u> Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty <u>có giá trị khi</u> có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. <i>(Bỏ các từ gạch chân)</i>
<u>TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -</u> <u>ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</u> <u>CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC</u>	<u>ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</u> <u>CỦA CÔNG TY</u> <i>(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty)</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

(DỰ THẢO)

Đại hội cổ đông thường niên năm 2018

Công ty cổ phần ACC-244

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần ACC-244;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần ACC-244 ngày 23/4/2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty năm 2017.

1.1. Những chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng	29,408	29,408	29,408	100,00
2	Doanh thu	tỷ đồng	500,741	500,000	502,820	100,56
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12,441	12,000	12,509	104,24
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	9,948	9,600	9,970	103,85
5	Trả cổ tức (dự kiến)	%/năm	18,000	18,000	18,000	100,00
6	Thu nhập b/q người l.động	triệu/tháng	7,385	7,417	7,556	101,87

1.2. Những chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch SXKD năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2017	KH2018	TL %
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng	29,408	29,408	100,00

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2017	KH2018	TL %
2	Doanh thu	tỷ đồng	502,608	452,000	89,93
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12,509	10,848	86,72
4	Mức trả cổ tức (dự kiến)	%/năm	18,000	15,000	83,33
5	Thu nhập b/q người l.động	triệu/tháng	7,556	7,456	98,68

Điều 2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2017.

Điều 3. Mức trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2017; dự kiến cho kế hoạch năm 2018.

3.1. Thực hiện năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	% LN sau thuế	15	15
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	% LN sau thuế	25	25
3	Tỷ lệ trả cổ tức trong năm	%/năm	18	18
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	đồng	466.000.000	688.678.832

3.2. Kế hoạch năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018
1	Doanh thu	Triệu đồng	452.000
2	Lợi nhuận trước thuế	-	10.848
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	%/ LN sau thuế	15
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	% LN sau thuế	25
5	Tỷ lệ trả cổ tức trong năm	%/ năm	15
6	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	Triệu đồng	796

Điều 4. Thông qua thực hiện thù lao của HĐQT, BKS năm 2017; Mức lương của Chủ tịch, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018.

4.1. Thực hiện thù lao của HĐQT, BKS năm 2017:

- Thù lao của HĐQT: 540.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.
- Thù lao của BKS: 180.000.000 đồng = 100% mức được ĐHĐCĐ duyệt.

4.2. Mức lương của Chủ tịch, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018:

- Lương của Chủ tịch HĐQT: Thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.
- Tổng mức thù lao HĐQT năm 2018 : 450.000.000 đồng.
- Tổng mức thù lao Ban kiểm soát năm 2018: 180.000.000 đồng.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần ACC-244 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).

Điều 6. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần ACC-244:

6.1. Thông qua danh sách các đơn vị sẽ chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần ACC-244:

- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

6.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần ACC-244 trong số các đơn vị kiểm toán đã được thông qua ở trên.

Điều 7. Thông qua tờ trình thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

7.1. Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Nguyễn Thị Vinh với tỷ lệ tán thành:%.

7.2. Thay thế Ông Nguyễn Anh Tuấn giữ tư cách thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ tán thành:%.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 đối với Bà Nguyễn Thị Huyền với tỷ lệ tán thành: ...%

Điều 9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo Tờ trình của HĐQT.

Điều 10. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

11.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ACC-244 thường niên năm 2018 gồm 4 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 23/4/2018; được các cổ đông biểu quyết thông qua với tổng số cổ phần nhất trí là cổ phần, chiếm% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

11.2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/4/2018.

11.3. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty cổ phần ACC-244 chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- UBCKNN, HNX;
- HDQT, B.TGD;
- Kế toán trưởng;
- T.Ban kiểm soát;
- Website Cty;
- Thư ký Cty;
- Lưu: VT, PHC; Tr100.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nguyễn Đức Sinh